

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
BAN TỔ CHỨC

*

Số 2142 -CV/BTCTU
V/v báo cáo bổ sung kết quả 02 năm
thực hiện Nghị quyết số 18

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Lâm Đồng, ngày 05 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: - Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các Ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy;

- Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;

- Ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc

Tỉnh ủy;

- Trường Chính trị tỉnh và Báo Lâm Đồng;

Thực hiện Công văn số 10364-CV/BTCTW ngày 20/01/2020 của Ban Tổ chức Trung ương “về việc cập nhật bổ sung số liệu báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 04 năm thực hiện nghị quyết số 39-NQ/TW”.

Để kịp thời tổng hợp số liệu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo Ban Tổ chức Trung ương theo quy định, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề nghị các cơ quan, đơn vị tiếp tục cập nhật, bổ sung số liệu báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 04 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của cơ quan, đơn vị, địa phương mình tính đến thời điểm 30/12/2019 cụ thể như sau:

1. Cập nhật, bổ sung số liệu tại các phụ lục thống kê kèm theo báo cáo của địa phương, cơ quan, đơn vị mình đã thực hiện trước đó theo yêu cầu của Công văn số 1779-CV/BTCTU ngày 28/06/2019 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, đồng thời cập nhật, bổ sung các nhận xét, đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết tương ứng với các số liệu mới chốt tại thời điểm 31/12/2019.

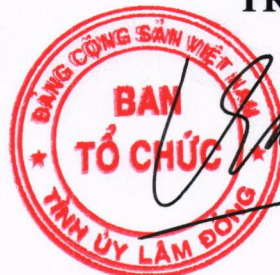
2. Báo cáo rõ kết quả giảm chi ngân sách nhà nước do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế của các tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trong các năm 2017, 2018 và 2019 và dự toán năm 2020 của địa phương cơ quan, đơn vị mình.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề nghị các cơ quan, địa phương, đơn vị nghiêm túc thực hiện, cập nhật và hoàn thiện báo cáo và các phụ lục, biểu mẫu (kèm theo) và file mềm (qua Phòng Tổ chức - Cán bộ, địa chỉ mail huongnhaibtc@gmail.com và số điện thoại liên hệ: 02633.835.963 trước ngày 12/02/2020 để tổng hợp trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Sở Nội vụ Lâm Đồng,
- Lưu Phòng TCCB, VPTU.

TRƯỞNG BAN



Trần Duy Hùng

(Tổng hợp từ các Phụ lục 3C1 + 3C2 + 4C1 + 4C2)

Đơn vị tính: Tổ chức

[illegible]

Phụ lục 2C

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị tính: Tổ chức

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 3C1

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CẤP TỈNH

Đơn vị tính: Tổ chức

[illegible]

[illegible]

*

Phụ lục 3C2

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CẤP HUYỆN*Đơn vị tính: Tổ chức*

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tính đến thời điểm 31/12/2019	So sánh (cột 4 - cột 3)	Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG				
I	Khối các Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện				
1	Ban Tổ chức				
2	Ban Tuyên giáo				
3	Ban Dân vận				
4	Cơ quan UBKT				
5	Văn phòng				
II	Khối chính quyền địa phương				
1	Phòng Dân tộc				
2	Phòng Kinh tế				
3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng				
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
5	Phòng Lao động - TBXH				
6	Phòng Nội vụ				
7	Phòng Nông nghiệp và PTNT				
8	Phòng Quản lý đô thị				
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường				
11	Phòng Tư pháp				
12	Phòng Văn hóa và Thông tin				
13	Phòng Y tế				
14	Thanh tra huyện				
15	Văn phòng HĐND, UBND cấp tỉnh				
III	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH				
a	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				
b	Liên đoàn lao động				
c	Hội Nông dân				
d	Hội LH Phụ nữ				
đ	Hội Cựu chiến binh				
e	Đoàn thanh niên CS Hồ Chí Minh				

TỈNH ỦY (THÀNH ỦY) ...

Phụ lục 4C2

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH KHÁC Ở CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng tổ chức tính đến thời điểm 30/6/2017	Số lượng tổ chức tính đến thời điểm 31/12/2019	So sánh (cột 4 - cột 3)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG				
1	Khối đảng				
a	Đảng ủy				
b	...				
...	...				
2	Khối chính quyền địa phương				
a				
b				
...	...				

..., ngày ... tháng ... năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động và cố định liên hệ)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú

Chi thống kê các đảng ủy cơ sở có biên chế chuyên trách công tác đảng

Chi thống kê các cơ quan hành chính khác cấp huyện có biên chế chuyên trách

Phụ lục 5C1

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN Ở CẤP TỈNH

Đơn vị tính: Tổ chức

Đơn vị tính: 10 chức

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng ban quản lý dự án		Cơ cấu tổ chức ban quản lý dự án				Ghi chú
				Thời điểm 30/6/2017		Thời điểm 31/12/2019		
		Thời điểm 30/6/2017	Thời điểm 30/6/2019	Văn phòng	Phòng chuyên môn	Văn phòng	Phòng chuyên môn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG							
I	Thuộc UBND cấp tỉnh							
1	Ban quản lý dự án...							
2	Ban quản lý dự án...							
...	...							
II	Thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh							
1	Ban quản lý dự án...							
2	Ban quản lý dự án...							
...	...							

..., ngày ... tháng ... năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động và có định liên hệ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

Tại thời điểm thống kê, có ban quản lý dự án nào thì điền số 1 vào cột 3, cột 4; đồng thời thống kê số liệu về Văn phòng và phòng chuyên môn vào các cột tương ứng của dòng ban quản lý dự án đó

*

Phu lục 5C2
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Thời điểm 30/6/2017	Thời điểm 31/12/2019	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	TỔNG CỘNG			
I	TP Đà Lạt			
1	Ban quản lý dự án quảng trường trung tâm thành phố Đà Lạt			
...	...			
II	Huyện....			
...	...			

Phụ lục 6C

TỔNG HỢP CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM HỢP NHẤT VỚI CƠ QUAN THAM MUU, GIÚP VIỆC CỦA CẤP ỦY CÙNG CẤP CÓ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ TƯƠNG ĐỒNG

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Nội dung thí điểm, hợp nhất	Cấp tỉnh			Cấp huyện			Ghi chú
		Sở Nội vụ	Thanh tra tỉnh	Văn phòng UBND	Phòng Nội vụ	Thanh tra huyện	Văn phòng HĐND&UBND	
	Tổng							
1	Hợp nhất....							
2	Hợp nhất....							
...	...							

Phụ lục 7C1

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

(Thời điểm 30/6/2017)

Đơn vị tính: Người

[illegible]

Phụ lục 7C2

**SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH**

(Thời điểm 30/6/2017)

Đơn vị tính: Người

[illegible]

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó										Ghi chú
			Lãnh đạo cấp tỉnh		Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh		Lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh		Chi cục & tương đương		Lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.2.21	Văn phòng HĐND cấp tỉnh												
2.2.22	Văn phòng UBND cấp tỉnh												
2.3	Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH												
2.3.1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam												
2.3.2	Liên đoàn lao động												
2.3.3	Hội Nông dân												
2.3.4	Hội LH Phụ nữ												
2.3.5	Hội Cựu chiến binh												
2.3.6	Đoàn thanh niên CS HCM												

Phụ lục 7C3

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH
(Thời điểm 30/6/2017)

Đơn vị tính: Người

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp huyện		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	TỔNG CỘNG						
1	Lãnh đạo cấp huyện						
1.1	Bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện						
1.2	Chủ tịch, PCT HĐND cấp huyện						
1.3	Chủ tịch, PCT UBND cấp huyện						
2	Các cơ quan cấp huyện						
2.1	Khối Đảng						
2.1.1	Ban Tổ chức						
2.1.2	Ban Tuyên giáo						
2.1.3	Ban Dân vận						
2.1.4	Cơ quan UBKT						
2.1.5	Văn phòng						
2.2	Khối chính quyền địa phương						
2.2.1	Phòng Dân tộc						
2.2.2	Phòng Kinh tế						
2.2.3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng						
2.2.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo						
2.2.5	Phòng Lao động - TBXH						
2.2.6	Phòng Nội vụ						
2.2.7	Phòng Nông nghiệp và PTNT						
2.2.8	Phòng Quản lý đô thị						
2.2.9	Phòng Tài chính - Kế hoạch						
2.2.10	Phòng Tài nguyên và Môi trường						
2.2.11	Phòng Tư pháp						
2.2.12	Phòng Văn hóa và Thông tin						
2.2.13	Phòng Y tế						
2.2.14	Thanh tra huyện						
2.2.15	Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện						

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp huyện		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.3	<i>Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH</i>						
2.3.1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam						
2.3.2	Liên đoàn lao động						
2.3.3	Hội Nông dân						
2.3.4	Hội LH Phụ nữ						
2.3.5	Hội Cựu chiến binh						
2.3.6	Đoàn thanh niên CS HCM						

[illegible]

(Thời điểm 31/12/2019)

Đơn vị tính: Người

[illegible]

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp huyện		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
2.2.13	Phòng Y tế						
2.2.14	Thanh tra huyện						
2.2.15	Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện						
2.3	<i>Khối MTTQ và các đoàn thể CT-XH</i>						
2.3.1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam						
2.3.2	Liên đoàn lao động						
2.3.3	Hội Nông dân						
2.3.4	Hội LH Phụ nữ						
2.3.5	Hội Cựu chiến binh						
2.3.6	Đoàn thanh niên CS HCM						

*

Phụ lục 7C6

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN

(Thời điểm 31/12/2019)

Đơn vị tính: Người

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo các cơ quan cấp huyện		
			Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	
	TỔNG CỘNG						
1	Lãnh đạo cấp huyện						
1.1	Bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện						
1.2	Chủ tịch, PCT HĐND cấp huyện						
1.3	Chủ tịch, PCT UBND cấp huyện						
2	Các cơ quan cấp huyện						
2.1	Khối Đảng						
2.1.1	Ban Tổ chức						
2.1.2	Ban Tuyên giáo						
2.1.3	Ban Dân vận						
2.1.4	Cơ quan UBKT						
2.1.5	Văn phòng						
2.2	Khối chính quyền địa phương						
2.2.1	Phòng Dân tộc						
2.2.2	Phòng Kinh tế						
2.2.3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng						
2.2.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo						
2.2.5	Phòng Lao động - TBXH						
2.2.6	Phòng Nội vụ						
2.2.7	Phòng Nông nghiệp và PTNT						
2.2.8	Phòng Quản lý đô thị						
2.2.9	Phòng Tài chính - Kế hoạch						
2.2.10	Phòng Tài nguyên và Môi trường						
2.2.11	Phòng Tư pháp						
2.2.12	Phòng Văn hóa và Thông tin						

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CẤP TRƯỞNG, CẤP PHÓ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
Ở ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng tính đến thời điểm 30/6/2017		Số lượng tính đến thời điểm 31/12/2019	
		Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó
	TỔNG CỘNG				
I	Giáo dục và đào tạo				
1	Đại học				
2	Trung học phổ thông				
3	Trung học cơ sở				
4	Tiểu học				
5	Mầm non				
II	Giáo dục nghề nghiệp				
1	Cao đẳng				
2	Trung cấp				
3	Trung tâm				
III	Sự nghiệp Y tế				
1.	Bệnh viện				
2.	Trung tâm				
IV	Sự nghiệp Khoa học và công nghệ				
V	Sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT				
VI	Sự nghiệp Thông tin và truyền thông				
VII	Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao				
VIII	Sự nghiệp khác				

* Lưu ý: - Thống kê cấp trưởng, cấp phó của đơn vị sự nghiệp (không thống kê cấp trưởng, cấp phó các đầu mối bên trong)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động và
cố định liên hệ)

..., ngày ... tháng ... năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 9C1

KẾT QUẢ 02 NĂM THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT 18-NQ/TW

Số TT	Danh mục	Tổng số đơn vị	Số đơn vị thực hiện	Giảm số lượng lãnh đạo		Giảm số lượng tổ chức		Ghi chú
				Cấp sở; LĐ cấp huyện	Cấp phòng	Cấp sở	Cấp phòng	
	TỔNG CỘNG							
1	Trường ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
2	Thí điểm trường ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
3	Thí điểm trường ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
4	Thí điểm trường ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
5	Thí điểm trường ban tổ chức cấp ủy đồng thời là giám đốc sở nội vụ cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
6	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
7	Thí điểm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy đồng thời là chánh thanh tra cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
8	Thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với phòng nội vụ cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
9	Thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với sở nội vụ cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
10	Thí điểm hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy với thanh tra cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
11	Thí điểm hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy với thanh tra cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
12	Hợp nhất Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận cấp ủy cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
13	Hợp nhất Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận và Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp ủy cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
14	Hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở Tài chính	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
15	Hợp nhất Sở Giao thông - Vận tải với Sở Xây dựng	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					

Số TT	Danh mục	Tổng số đơn vị	Số đơn vị thực hiện	Giảm số lượng lãnh đạo		Giảm số lượng tổ chức		Ghi chú
				Cấp sở, LE cấp huyện	Cấp phòng	Cấp sở	Cấp phòng	
16	Hợp nhất văn phòng cấp ủy với văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp huyện ở những nơi có điều kiện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
17	Thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
18	Thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
19	Hợp nhất văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội, văn phòng hội đồng nhân dân và văn phòng ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
20	Hợp nhất văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội, văn phòng hội đồng nhân dân cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
21	Sắp xếp đầu mối trực thuộc các cơ quan chuyển trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
22	Sắp xếp Ban Bảo vệ CSSKCB cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
23	Tổ chức cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
24	Tổ chức cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
25	Tổ chức lại đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
26	Hợp nhất đảng bộ khối doanh nghiệp với Đảng bộ Khối các cơ quan cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
27	Giải thể đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh	1	Đã thực hiện thí điểm 1; không thực hiện thí điểm 0					
28	Sắp xếp các ban chỉ đạo cấp tỉnh	Số lượng BCD có VP chuyên trách trước khi NQTW6	Số lượng BCD có Văn phòng chuyên trách hiện nay					
29	Sắp xếp các ban quản lý dự án cấp huyện	Số lượng BQL DA chuyên trách trước khi NQTW6	Số lượng BQL DA chuyên trách hiện nay					
30	Sắp xếp các ban quản lý dự án cấp tỉnh	Số lượng BQL DA chuyên trách trước khi NQTW6	Số lượng BQL DA chuyên trách hiện nay					
31	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội	Tổng số đơn vị hành	Số đơn vị hành chính cấp					

Số TT	Danh mục	Tổng số đơn vị	Số đơn vị thực hiện	Giảm số lượng lãnh đạo		Giảm số lượng tổ chức		Ghi chú
				Cấp sở; LĐ cấp huyện	Cấp phòng	Cấp sở	Cấp phòng	
32	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện					
33	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện					
34	Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện					
35	Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện trước khi sắp xếp	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện sau sắp xếp					Tổng số huyện phải sắp xếp
36	Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã trước khi sắp xếp	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp					Tổng số xã phải sắp xếp
37	Hợp nhất thôn, tổ dân phố	Tổng số thôn, tổ dân phố trước khi hợp nhất	Tổng số thôn, tổ dân phố sau khi hợp nhất					
38	Khắc phục tình trạng thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng	Tổng số thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng trước khi NQTW6	Tổng số thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng sau khi sắp xếp					
39	Khắc phục tình trạng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên	Tổng số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên trước khi NQTW6	Tổng số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên hiện nay					
40	Thực hiện mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố	Tổng số thôn, tổ dân phố thực hiện mô hình tự quản trước khi NQTW6	Tổng số thôn, tổ dân phố thực hiện mô hình tự quản hiện nay					

..., ngày ... tháng ... năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động và cố định liên hệ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Tổ chức lại đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh là việc vẫn giữ nguyên đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh nhưng sắp xếp lại để giảm cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy
- Giải thể đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh là việc chuyển toàn bộ tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy khối doanh nghiệp cấp tỉnh về các cấp ủy địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính

KẾT QUẢ HỢP NHẤT MỘT SỐ CƠ QUAN KHÁC

Số TT	Danh mục	Tổng số đơn vị	Số đơn vị thực hiện	Giảm số lượng lãnh đạo		Giảm số lượng tổ chức		Ghi chú
				Cấp sở; LĐ cấp huyện	Cấp phòng	Cấp sở	Cấp phòng	
	TỔNG CỘNG							
1								
2								
3								
4								
5								
6								
...	...							
...	...							

..., ngày ... tháng ... năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại
di động và cố định liên hệ)**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

TỈNH, THÀNH ỦY...

Phụ lục 10C1

Số liệu giám chi ngân sách nhà nước do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế
theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW và Nghị quyết 39-NQ/TW
của Ban Chấp hành Trung ương

stt	Năm	Tổng kinh phí giảm	Tổ chức hành chính		Biên chế	
			Số lượng tăng giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do sắp xếp ĐVHC so với năm trước (triệu đồng)	Số lượng tăng giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do giảm biên chế so với năm trước (triệu đồng)
1	2	3=5+7	4	5	6	7
1	Thực hiện năm 2017					
2	Thực hiện năm 2018					
3	Đánh giá thực hiện năm 2019					
4	Dự toán năm 2020					

Ghi chú:

(Cột 5) Kinh phí thực tế địa phương giảm chi NSNN do sắp xếp ĐVHC

(Cột 7), gồm: (I) Giảm chi tiền lương (số lượng biên chế giảm x với hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp X thời gian thực tế tinh giảm); (II) giảm chi hoạt động (số lượng biên chế giảm X với định mức hoạt động/biên chế X thời gian thực tế tinh giảm).

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên; số ĐT liên hệ)

Ngày tháng năm

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH/THÀNH ỦY

(Bí thư/Phó bí thư ký, đóng dấu)

Phụ lục 10C2

Số liệu giảm chi NSNN do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập
Thực hiện năm 2017, 2018, 2019, đánh giá thực hiện năm 2019 và dự toán năm 2020

stt	Lĩnh vực sự nghiệp công lập	Tổng số đơn vị thay đổi sắp xếp bộ máy	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do sắp xếp bộ máy và giảm biên chế so với năm trước (triệu đồng)
I	Thực hiện năm 2017			
1	Sự nghiệp KHCN			
2	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo			
3	Sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT			
4	Sự nghiệp Thông tin, truyền thông và báo chí			
5	Sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao			
6	Sự nghiệp Y tế			
7	Sự nghiệp khác			
8	Việc hợp nhất cơ sở đào tạo lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương.			
II	Thực hiện năm 2018			
			
III	Đánh giá thực hiện năm 2019			
			
IV	Dự toán năm 2020			
			

Ghi chú

- 1) Đối với ĐVSNNCL sáp nhập: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNNCL sau khi sáp nhập trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho các ĐVSNNCL trước khi sáp nhập.
- 2) Đối với ĐVSNNCL chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNNCL trước khi chuyển đổi mô hình trừ đi (-) NSNN cấp cho công ty sau khi chuyển đổi.
- 3) Đối với ĐVSNNCL giải thể: Số giảm chi = số kinh phí NSNN đã cấp trước khi giải thể.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên; số ĐT liên hệ)

Ngày tháng năm
T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH/THÀNH ỦY
(Bí thư/Phó bí thư ký, đóng dấu)

TỈNH (THÀNH) ỦY.....

PHỤ LỤC 1D1

TỔNG HỢP SỐ LIỆU BIÊN CHẾ (NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC) CÁC CƠ QUAN KHỎI ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT - XH Ở ĐỊA PHƯƠNG

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao	Số người làm việc thực tế thời điểm 31/12/2019					Ghi chú:
			Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	
		1	2	3	4	5	6	
	CỘNG CHUNG TOÀN TỈNH							
A	CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH CẤP TỈNH							
-	LÃNH ĐẠO TỈNH							
I	CỘNG CQ ĐẢNG							
1	Văn phòng Tỉnh uỷ							
2	Ban Tổ chức							
3	Ban Tuyên giáo							
4	Ủy ban kiểm tra							
5	Ban Nội chính							
6	Ban Dân vận							
7	Đảng uỷ khối cơ quan							
8	Đảng uỷ khối doanh nghiệp							
...	...							
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC							
1	Trường Chính trị tỉnh							
2	Báo tỉnh							
3	Đơn vị sự nghiệp khác (nếu có)							
4	...							
...	...							
III	MTTQ VÀ TỔ CHỨC CT-XH TỈNH							
1	Mặt trận Tổ quốc							
2	Đoàn TNCS HCM							
3	Liên đoàn lao động							
4	Hội phụ nữ							
5	Hội nông dân							
6	Hội cựu chiến binh							
B	CỘNG CQ ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH CẤP HUYỆN							
-	LÃNH ĐẠO HUYỆN							
I	Cơ quan đảng cấp huyện							

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế đo cơ quan có thẩm quyền giao	Số người làm việc thực tế thời điểm 31/12/2019					Ghi chú:
			Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	
		1	2	3	4	5	6	
1	Văn phòng							
2	Ban Tổ chức							
3	Ban Tuyên giáo							
4	Ủy ban kiểm tra							
5	Ban Dân vận							
II	MTTQ và tổ chức CT-XH cấp huyện							
1	Mặt trận Tổ quốc							
2	Đoàn TNCS HCM							
3	Liên đoàn lao động							
4	Hội phụ nữ							
5	Hội nông dân							
6	Hội cựu chiến binh							
III	ĐVSN trực thuộc cấp huyện							
3.1	Trung tâm Chính trị huyện							
3.2	Đơn vị sự nghiệp khác (nếu có)							
3.3	...							
...	...							

Lưu ý: * Số biên chế thực tế là số công chức, viên chức, lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm báo cáo.

* Hợp đồng khác bao gồm: Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ; Hợp đồng chờ thi công chức, viên chức; các loại hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà không phải hợp đồng theo Nghị định 68

* File mềm xin gửi về địa chỉ EMAIL: NamNQ@btctw.dcs.vn

* Chi tiết phụ lục liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988.
..., ngày ... tháng ... năm 2020

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)
Số điện thoại liên hệ

BÍ THƯ
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	30/6/2019 - 31/12/2020								Ghi chú:
		Tuyển mới	Nghỉ hưu đúng tuổi	Các trường hợp tính giảm biên chế theo nghị định của CP						
				Tổng	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Các trường hợp khác	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
4	Hội phụ nữ									
5	Hội nông dân									
6	Hội cựu chiến binh									
III	ĐVSN trực thuộc cấp huyện									
3.1	Trung tâm Chính trị huyện									
3.2	Đơn vị sự nghiệp khác (nếu có)									
3.3	...									
...	...									

Lưu ý: * Số biên chế thực tế là số công chức, viên chức, lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm báo cáo.

* Hợp đồng khác bao gồm: Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ; Hợp đồng chờ thi công chức, viên chức; các loại hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà không phải hợp đồng theo Nghị định 68

* File mềm xin gửi về địa chỉ EMAIL: NamNQ@btctw.des.vn

* Chi tiết phụ lục liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988.

..., ngày ... tháng ... năm 2020

BÍ THƯ

(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại liên hệ

TỈNH (THÀNH) ỦY.....

PHỤ LỤC 1D3

TỔNG HỢP BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG (HĐ 68, HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ) KHỎI HÀNH CHÍNH CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở ĐỊA PHƯƠNG TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN

(Kèm theo Công văn số 10364 -CV/BTCTW ngày 20/ 01/2020 của Ban Tổ chức Trung ương)

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019			Số người làm việc thực tế tại thời điểm 31/12/2019				Ghi chú:
		Tổng số	Công chức	HĐ 68	Tổng số	Công chức	HĐ 68	*Hợp đồng khác	
		1	2	3	4	5	6	7	
	TỔNG CỘNG (A+B)								
A	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (I+II)								
I	HĐND tỉnh								
1	Văn phòng hội đồng								
2	Ban Pháp chế								
3	Ban Kinh tế - Ngân sách								
4	Ban Văn hóa - Xã hội								
5	Ban Dân tộc (nếu có)								
II	HĐND HUYỆN								
1	Huyện A								
2	Huyện B								
...	...								
B	ỦY BAN NHÂN DÂN (I+II)								
I	UBND TỈNH								
1	Văn phòng ủy ban								
2	Sở Công thương								
3	Sở Du lịch (nếu có)								
4	Sở Giao thông - Vận tải								
5	Sở Giáo dục và Đào tạo								
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư								
7	Sở Khoa học và Công nghệ								
8	Sở Lao động - TBXH								
9	Sở Ngoại vụ (nếu có)								
10	Sở Nội vụ								
11	Sở Nông nghiệp và PTNT								
12	Sở Quy hoạch - Kiến trúc								
13	Sở Tài chính								
14	Sở Tài nguyên và Môi trường								
15	Sở Thông tin và Truyền thông								

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019			Số người làm việc thực tế tại thời điểm 31/12/2019				Ghi chú:
		Tổng số	Công chức	HĐ 68	Tổng số	Công chức	HĐ 68	*Hợp đồng khác	
		1	2	3	4	5	6	7	
16	Sở Tư pháp								
17	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch								
18	Sở Xây dựng								
19	Sở Y tế								
20	Thanh tra tỉnh								
21	Ban Dân tộc								
...	...								
II	UBND Huyện								
1	Huyện A								
2	Huyện B								
...	...								

Lưu ý: * Số biên chế thực tế là số công chức, viên chức, lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm báo cáo.

* Hợp đồng khác bao gồm: Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ; Hợp đồng chờ thi công chức, viên chức; các loại hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà không phải hợp đồng theo Nghị định 68

* File mềm xin gửi về địa chỉ EMAIL: NamNQ@btctw.dcs.vn

* Chi tiết phụ lục liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988.

..., ngày ... tháng ... năm 2020

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)
Số điện thoại liên hệ

BÍ THƯ
(ký tên, đóng dấu)

TỈNH (THÀNH) ỦY.....

PHỤ LỤC 1D4

TỔNG HỢP BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP, NGƯỜI LAO ĐỘNG (HĐ 68, HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ) CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở ĐỊA PHƯƠNG TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019			Số người làm việc thực tế tại thời điểm 30/6/2019				Ghi chú:
		Tổng số	Biên chế sự nghiệp	HĐ 68	Tổng số	Biên chế sự nghiệp	HĐ 68	*Hợp đồng khác	
		1	2	3	4	5	6	7	
	TỔNG CỘNG (A+B)								
A	ĐVSN THUỘC TỈNH (I+II+III)								
I	ĐVSN thuộc VP HĐND tỉnh (nếu có)								
1	Đơn vị A								
2	Đơn vị B								
...	...								
II	ĐVSN THUỘC UBND tỉnh								
1	Đơn vị A								
2	Đơn vị B								
...	...								
III	ĐVSN thuộc sở và tương đương								
1	Văn phòng UBND tỉnh								
2	Sở Công thương								
3	Sở Du lịch (nếu có)								
4	Sở Giao thông - Vận tải								
5	Sở Giáo dục và Đào tạo								
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư								
7	Sở Khoa học và Công nghệ								
8	Sở Lao động - TBXH								
9	Sở Ngoại vụ (nếu có)								
10	Sở Nội vụ								
11	Sở Nông nghiệp và PTNT								
12	Sở Quy hoạch - Kiến trúc								
13	Sở Tài chính								
14	Sở Tài nguyên và Môi trường								
15	Sở Thông tin và Truyền thông								
16	Sở Tư pháp								
17	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch								
18	Sở Xây dựng								
19	Sở Y tế								
20	Thanh tra tỉnh								
...	...								
B	ĐVSN THUỘC HUYỆN (I+II+...)								
I	Huyện A								

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019			Số người làm việc thực tế tại thời điểm 30/6/2019				Ghi chú:
		Tổng số	Biên chế sự nghiệp	HĐ 68	Tổng số	Biên chế sự nghiệp	HĐ 68	*Hợp đồng khác	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Dạy nghề ...								
2	Khoa học và công nghệ								
3	Giáo dục và đào tạo								
4	Y tế								
5	Thông tin và truyền thông								
6	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác								
...	...								
II	Huyện B								
1	Dạy nghề ...								
2	Khoa học và công nghệ								
3	Giáo dục và đào tạo								
4	Y tế								
5	Thông tin và truyền thông								
6	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác								
...	...								
III	...								
...	...								

Lưu ý: * Số biên chế thực tế là số công chức, viên chức, lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm báo cáo.

* Hợp đồng khác bao gồm: Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ; Hợp đồng chờ thi công chức, viên chức; các loại hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà không phải hợp đồng theo Nghị định 68

* File mềm xin gửi về địa chỉ EMAIL: NamNQ@btctw.dcs.vn

* Chi tiết phụ lục liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988.

..., ngày ... tháng ... năm 2020

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)
Số điện thoại liên hệ

BÍ THƯ
(Ký tên, đóng dấu)

TỈNH (THÀNH) ỦY.....

PHỤ LỤC 1D5

TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI, THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ KHỎI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

[illegible]

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	30/6/2019 - 31/12/2020								Ghi chú:
		Tuyển mới	Nghỉ hưu đúng tuổi	Các trường hợp tính giảm biên chế theo nghị định của Chính phủ						
				Tổng	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Các trường hợp khác	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
2.10	Phòng Tài nguyên và Môi trường									
2.11	Phòng Tư pháp									
2.12	Phòng Văn hóa và Thông tin									
2.13	Phòng Y tế									
2.14	Thanh tra huyện									
2.15	Phòng Dân tộc									
B	KHỐI SỰ NGHIỆP									
I	ĐVSN thuộc VP HĐND tỉnh (nếu có)									
1	Đơn vị A									
2	Đơn vị B									
...	...									
II	ĐVSN THUỘC UBND tỉnh									
1	Đơn vị A									
2	Đơn vị B									
...	...									
III	ĐVSN thuộc sở và tương đương									
1	Văn phòng UBND cấp tỉnh									
2	Sở Công thương									
3	Sở Du lịch (nếu có)									
4	Sở Giao thông - Vận tải									
5	Sở Giáo dục và Đào tạo									
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư									
7	Sở Khoa học và Công nghệ									
8	Sở Lao động - TBXH									
9	Sở Ngoại vụ (nếu có)									
10	Sở Nội vụ									
11	Sở Nông nghiệp và PTNT									
12	Sở Quy hoạch - Kiến trúc									
13	Sở Tài chính									
14	Sở Tài nguyên và Môi trường									
15	Sở Thông tin và Truyền thông									
16	Sở Tư pháp									
17	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch									
18	Sở Xây dựng									
19	Sở Y tế									
20	Thanh tra tỉnh									
...	...									
VI	ĐVSN thuộc huyện									
1	Dạy nghề ...									
2	Khoa học và công nghệ									
3	Văn hóa, thể thao và du lịch									
4	Giáo dục và đào tạo									
5	Thông tin và truyền thông									
6	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác									
...	...									

Lưu ý: * Số biên chế thực tế là số công chức, viên chức, lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm báo cáo.

* Hợp đồng khác bao gồm: Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ; Hợp đồng chờ thi công chức, viên chức; các loại hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà không phải hợp đồng theo Nghị định 68

* File mềm xin gửi về địa chỉ EMAIL: NamNQ@bctcw.dcs.vn

* Chi tiết phụ lục liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988.

..., ngày ... tháng ... năm 2020

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)
Số điện thoại liên hệ

BÍ THƯ
(Ký tên, đóng dấu)

TỈNH ỦY (THÀNH ỦY).....

PHỤ LỤC 1D6

Thống kê số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố

STT	Đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn)	Số ĐVHC cấp xã	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người HĐKCT ở cấp xã	Số thôn, tổ dân phố	Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố	Ghi chú
1	Thực tế tại thời điểm 30/6/2019							
2	Thực tế tại thời điểm 31/12/2019							

Ghi chú: - Số người thực tế là số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm báo cáo.

- Thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, buôn, tổ dân phố... gọi chung là thôn, tổ dân phố (không bao gồm tổ nhân dân, tổ tự quản...).

- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã là các đối tượng được quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ và quy định của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp xã; thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, buôn, khu phố, tổ dân phố... sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố (không bao gồm tổ nhân dân, tổ tự quản...).

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (bao gồm tất cả những người được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước và ngân sách của địa phương)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)
Số điện thoại liên hệ

..., ngày ... tháng ... năm 2020

BÍ THƯ
(Ký tên, đóng dấu)